

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 1549/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của
UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong
lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất
động sản Khatoco tại Văn bản số 71/BDS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc đề
nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công
nghiệp Trảng É 1” tại xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ
kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
2.77.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày 28. tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco, địa chỉ tại số 13B Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Trảng É 1” tại xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

- 1.1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Trảng É 1
- 1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Khánh Thành Nam, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 4201348556 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 01/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 05/07/2022.

1.4. Mã số thuế: 4201348556

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, các ngành nghề đăng ký hoạt động:

- Vườn ươm cây giống.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất, chế biến yến sào và các sản phẩm từ yến sào.
- Sản xuất thực phẩm khác: sản xuất bánh từ bột, ca cao, socola, bánh kẹo, món ăn, thức ăn chế biến sẵn, cà phê, chè.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Dệt, nhuộm.
- Sản xuất trang phục; Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm; Sản xuất giày, dép (không bao gồm sản xuất da – thuộc da).
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá.
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị, không làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất); Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị.
- Sản xuất sản phẩm từ giấy; In, sao chép bản kim loại.
- Sản xuất sản phẩm từ thủy tinh (trừ sản xuất thủy tinh); gia công cắt kính, gia công kính.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng.
- Sản xuất nhạc cụ, sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi, trò chơi.
- Sản xuất và phân phối điện mặt trời; sản xuất nước đá.
- Kho hàng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích dự án: 349.764 m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cam Lâm, UBND xã Suối Cát nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: (VBĐT)

- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Cát ;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1549/GPMT-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh khu vực văn phòng của Ban quản lý Cụm công nghiệp Trảng É 1.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp Trảng É 1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ sinh học thuộc Cụm công nghiệp Trảng É 1

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: thôn Khánh Thành Nam, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°):

+ Vị trí xả vào hồ sinh học: $X = 1347431,55$, $Y = 593034,98$

+ Vị trí thoát ra từ hồ sinh học ra suối Lùng: $X = 1347514,9$, $Y = 593071,14$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $kq=0,6$, $kf=1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Phải hoàn thành lắp đặt chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024
2.	pH	-	6 đến 9		
3.	COD	mg/l	49,5		
4.	TSS	mg/l	33		
5.	Amoni	mg/l	3,3		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
6.	Màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	Không yêu cầu
7.	BOD ₅	mg/l	19,8		
8.	Asen	mg/l	0,033		
9.	Thủy ngân	mg/l	0,0033		
10.	Chì	mg/l	0,066		
11.	Cadimi	mg/l	0,033		
12.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	3,3		
13.	Tổng nitơ	mg/l	13,2		
14.	Tổng phốt pho	mg/l	2,64		
15.	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nguồn số 01 sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m³/ngày đêm để xử lý.

+ Nguồn số 02 được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải của cụm công nghiệp sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể oxy hóa, keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ sinh học sau đó thoát ra suối Lùng.

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 98%, HCl 32% , A – polymer (dạng rắn), Chlorine NaClO (10%) , Phèn nhôm Al₂(SO₄)₃18H₂O (17%) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể:

- Vị trí lắp đặt: Nước thải sau xử lý (sau bể khử trùng).
- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), Nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.
- Camera theo dõi: Phải lắp camera theo dõi, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Sử dụng bể thu gom ($V = 278,6 \text{ m}^3$) và bể điều hòa ($V = 171,2 \text{ m}^3$) làm công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi hệ thống xử lý nước thải bị sự cố. Các biện pháp sau để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.
- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động xả nước thải sau xử lý ra môi trường và nhanh chóng khắc phục sự cố của Trạm xử lý nước thải để đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn (sử dụng bể thu gom và bể điều hòa để lưu chứa nước thải).
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn đường ống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 04 tháng, dự kiến từ ngày 01/8/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước xử lý tại bể thu gom và nước thải sau xử lý tại bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cụm công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. *nh*

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1549/GPMT-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

Tọa độ: X (m) = 592979,94; Y (m) = 1347435,99

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tiếng ồn khu vực thông thường
2	70	60	-	Độ rung khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *1529*.../GPMT-UBND ngày *04* tháng *7*..
năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	12
2	Dầu nhớt thải	17 02 03	30
3	Giẻ lau dính dầu thải	18 02 01	18
4	Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật thải	14 01 05 14 01 06	24
	Tổng cộng		84

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa, bìa carton	180
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	550
	Tổng cộng	730

Ghi chú: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải Chủ đầu tư thực hiện phân định để áp dụng biện pháp quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 0,3 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa HDPE, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao quanh, nền bê tông đảm bảo không bị

thẩm thấu, có mái lợp tôn chống nóng, có biển ghi chú và cảnh báo nguy hiểm. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Khu vực lưu giữ

- Diện tích: 6 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho khép kín, nền bê tông, có mái che.
- Sân phơi bùn: có kết cấu bê tông cốt thép có diện tích 60 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có dung tích 15 lít thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu vực.

2.3.2. Khu vực tập kết: Bố trí thùng rác loại 240 lít để tập kết, chuyển giao hàng ngày cho đơn vị có chức năng để thu gom.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *1549*.../GPMT-UBND ngày *04* tháng *7*..
năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.